TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60/2026**/HNGĐ-ST
Ngày: 25-02-2026
"V/v Tranh chấp về Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vũ

Ông Lý Tuấn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07/10/2025 về việc "Tranh chấp về Ly hôn và yêu cầu nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã G, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Trương Thành Đ, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã G, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 07/10/2025 và tại bản tường trình ngày 27/01/2026, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Vào năm 2010, chị kết hôn cùng với anh Trương Thành Đ, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 24/3/2010.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm, thời gian sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị và anh Đ không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng ý kiến, tranh cãi và còn mâu thuẫn trong các vấn đề khác nên vợ chồng tự ly thân với nhau 10 năm. Nay nhận thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là: Trương Trần Nhật T – sinh ngày 11/8/2011 và Trương Trần Ái V – sinh ngày 13/4/2015, con chung hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Thành Đ; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung là Trương Trần Nhật T – sinh ngày 11/8/2011 và Trương Trần Ái V – sinh ngày 13/4/2015 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2025, Bị đơn anh Trương Thành Đ hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Anh Đ xác định vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 10 năm, nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là: Trương Trần Nhật T – sinh ngày 11/8/2011 và Trương Trần Ái V – sinh ngày 13/4/2015, hai cháu hiện tại đang sống cùng với chị L.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng: Về quan hệ hôn nhân, anh Trương Thành Đ đồng ý ly hôn với chị Trần Thị L; về con chung, anh Đ đồng ý giao con chung là Trương Trần Nhật T – sinh ngày 11/8/2011 và Trương Trần Ái V – sinh ngày 13/4/2015 cho chị L tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con nhưng việc anh cho tiền hoặc hiện vật thì yêu cầu phía chị L không được cấm cản và được thăm các con theo quy định; Trong quá trình sống chung không được bất kỳ hành động, lời lẽ nào để gây chia rẽ tình cha con, không bạo lực gia đình; Về tài sản chung, nợ chung: anh Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Trần Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Thành Đ được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Trương Thành Đ xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 24/3/2010, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của chị L và anh Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị L xin ly hôn với anh Trương Thành Đ vì lý do chị và anh Đ không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung mà thường xuyên bất đồng ý kiến, tranh cải, vợ chồng tự ly thân với nhau khoảng 10 năm, anh Đ cũng đồng ý ly hôn nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trương Thành Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Trương Thành Đ xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là: Trương Trần Nhật T – sinh ngày 11/8/2011 và Trương Trần Ái V – sinh ngày 13/4/2015. Hai cháu hiện tại đang sống cùng với chị L nên chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là Trương Trần Nhật T và Trương Trần Ái V, chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Đ đồng ý giao con cho chị L tiếp tục nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con; cháu T và cháu V cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng mẹ là chị L.

Do đó căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và theo nguyện vọng của cháu T và cháu V. HĐXX xem xét giao cháu Trương Trần Nhật T và Trương Trần Ái V cho chị L nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị L và anh Trương Thành Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị L phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Trương Thành Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trương Trần Nhật T – sinh ngày 11/8/2011 và Trương Trần Ái V – sinh ngày 13/4/2015 cho chị Trần Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Chị Trần Thị L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tạm ứng án phí là theo biên lai thu số 0003399, ngày 07/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Trần Thị L đã nộp xong số tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/02/2025.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSND khu vực 5;*
- *THA dân sự tỉnh An Giang;*
- *UBND xã Định Hòa;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập